

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2019/HS-ST**

Ngày: 22/04/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Tô Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Lực.

Ông Lý A Hoi.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Năng- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/TLST- HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 04 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 25/3/1972, tại Đ; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1928 và con bà: Phạm Thị H - Sinh năm 1941; Bị cáo có 02 vợ; Vợ thứ nhất: Lê Thị C - Sinh năm 1972 (đã ly hôn); Vợ thứ hai: Giang Thị H- Sinh năm 1968 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con chung với người vợ thứ nhất, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 1998. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 25/08/2016 Nguyễn Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La , xử phạt 27 tháng tù tại bản án số: 101/HSST ngày 25/08/2016. Bị cáo chấp hành án đến ngày 30/4/2018 ra trại. Đến nay chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2018 đến ngày 24/12/2018 sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến ngày xét xử (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ngãi - Sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 13/12/2018, một mình bị cáo Nguyễn Văn Đ điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda DreamII, màu sơn nâu, xe có số máy: HAO5E- 0221806, số khung 221787 mang BKS 27F2- 0983 đi từ nhà ở tổ dân phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ xuống bản Hồng Léch Công, xã Thanh Chăn, huyện Đ, tỉnh Đ nhằm mục đích mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Đi đến đầu bản Hồng Léch Công. Bị cáo gặp một người đàn ông không quen biết, khoảng 40 tuổi, cao 1m70, mặc áo phông màu xanh, quần vải màu đen nhìn giống người nghiện ma túy đang đứng ngoài đường. Bị cáo dừng xe và hỏi người đàn ông đó “Có heroine và Hồng phiến bán không? người đàn ông trả lời “Có mua bao nhiêu?” Bị cáo nói “Mua 20 viên hồng phiến và 07 phân heroine giá bao nhiêu tiền?” người đàn ông trả lời “20 viên hồng phiến giá 800.000 đồng; 07 phân heroine giá 1.000.000 đồng. Bị cáo lấy trong túi quần bên phải đang mặc ra 1.800.000 đồng gồm các tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 100.000 đồng và 50.000 đồng đưa cho người đàn ông, người đàn ông đó cầm tiền và nói bị cáo chờ một lát. Người đàn ông đi vào trong bản khoảng 20 phút sau quay lại đưa cho Bị cáo một túi nilon màu xanh loại túi có mép dán. Bị cáo cầm túi nilon người đàn ông đưa và mở ra xem thấy bên trong túi có 20 viên Hồng phiến và một gói nilon màu đen bên trong có các cục nhỏ Heroine. Bị cáo gói lại như cũ và cất túi nilon màu xanh đó vào trong túi quần bên trái phía trước đang mặc rồi Bị cáo điều khiển chiếc xe máy trên đi về nhà ở tổ dân phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. khi về đến nhà Bị cáo để chiếc xe máy ở trước cửa nhà, một mình Bị cáo đi bộ lên gác xép nhà Bị cáo và lấy túi nilon màu xanh trong túi quần bên trái phía trước đang mặc ra rồi lấy chiếc dao lam có sẵn ở đầu giường, Bị cáo lấy gói nilon màu đen có chứa các cục nhỏ Heroine trong túi nilon màu xanh ra, Bị cáo mở gói nilon màu đen ra và dùng dao lam chia các Heroine thành 06 phần. Bị cáo nhặt một mảnh nilon màu xanh có sẵn tại đó gói một phần Heroine thành một gói, Bị cáo nhặt tiếp một mảnh giấy trắng có dòng kẻ tại đó và xé ra thành 06 mảnh. Bị cáo sử dụng 05 mảnh giấy gói 05 phần Heroine thành 05 gói nhỏ. Bị cáo sử dụng mảnh giấy còn lại gói ngoài gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh còn lại. Tiếp đó Bị cáo lấy 02 viên Hồng phiến và 01 gói Heroine ra sử dụng bằng cách đốt hút qua mảnh giấy bạc. Sau khi sử dụng xong Bị cáo để túi nilon màu xanh có chứa 18 viên Hồng phiến và 05 gói Heroine còn lại ở trên mặt đệm trải trên giường ngủ của Bị cáo, sau đó Bị cáo đi xuống nhà nấu cơm ăn. Đến 09 giờ 00 phút ngày 14/12/2018 một mình Bị cáo ở trên gác xép, Bị cáo lấy 01 gói Heroine và 04 viên Hồng phiến trong túi nilon màu xanh ở trên mặt đệm trải giường ra sử dụng bằng cách đốt hút. Sau khi sử dụng xong Bị cáo ở nhà. Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 15/12/2018, một mình Bị cáo ở trên gác xép, Bị cáo lấy 01 gói Heroine và 03 viên Hồng phiến ở trong túi nilon màu xanh ở trên mặt đệm giường ra sử dụng hết bằng cách đốt hút. Sau khi sử dụng xong Bị cáo đi ngủ, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Bị cáo dậy và lấy 01 gói

Heroine ở trên mặt đệm giường cất vào trong túi quần đang mặc bên trái và đi ra ngoài để xem có ai hỏi mua Heroine thì Bị cáo bán kiếm lãi. Khi Bị cáo vừa ngồi lên chiếc xe máy BKS 27F2- 0983 để ở trước cửa nhà thì bị tổ công tác Đội CSĐTTP về Kinh tế và Ma túy, Công an thành phố B, tỉnh Đ đang làm nhiệm vụ tại đó phát hiện bắt quả tang Bị cáo về hành vi Cất giấu trái phép chất ma túy và niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đ có lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bị cáo tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ phát hiện thu giữ trên mặt đệm trải giường kê trên gác xép của Bị cáo gồm 01 túi nilon màu xanh, bên trong có 11 viên nén màu hồng; 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong có các cục nhỏ chất bột thể rắn màu trắng đục; 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, tiếp đến là mảnh nilon màu xanh bên trong có các cục nhỏ chất bột thể rắn màu trắng đục tất cả nghi là Heroine và ma túy tổng hợp Methamphetamine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 15/12/2018 đã xác định:

- Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang:

+ 01 gói được gói bằng giấy trắng dòng kẻ là vỏ gói ban đầu của gói nghi là Heroine có tổng trọng lượng là 0,15 gam. **Ký hiệu là M1.**

- Vật chứng thu giữ khi khám xét nơi ở gồm 03 gói;

+ Gói thứ nhất được gói bằng túi nilon màu xanh thẫm, loại túi có mép dính là vỏ ban đầu của gói ma túy nghi là ma túy tổng hợp Methamphetamine có tổng khối lượng 1,12 gam. **Ký hiệu là M2;**

+ Gói thứ hai. Được gói bằng giấy trắng dòng kẻ là vỏ gói ban đầu của gói nghi là Heroine, bên trong có các cục chất bột thể rắn màu trắng đục ghi là Heroine có tổng khối lượng là 0,14 gam. **Ký hiệu là M3;**

+ Gói thứ ba. Được gói bằng giấy trắng dòng kẻ là vỏ gói ban đầu của gói nghi là Heroine, bên trong có các cục chất bột thể rắn màu trắng đục ghi là Heroine có tổng khối lượng là 0,29 gam. **Ký hiệu là M4.**

Tại bản kết luận giám định số: 150/GĐ- PC09 ngày 23/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

- 03 mẫu chất bột màu trắng gửi giám định được ký hiệu là M1; M3; M4 là ma túy: Loại Heroine có khối lượng M1: 0,15 gam; M3: 0,14 gam; M4: 0,29 gam (Tổng khối lượng M1; M3; M4 là 0,58 gam) là và nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 09, Mục IA; Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/05/2018; Sau khi giám định vật chứng hoàn lại là 0,48 gam.

- Mẫu viên nén màu hồng ký hiệu là M2 giám định là ma túy: Loại Methamphetamine, ký hiệu M2 có khối lượng 1,12 gam nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC; Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ- CP ngày 15/05/2018; Sau khi giám định vật chứng hoàn lại là 1,09 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 23/CT-VKSTPĐBP ngày 28/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ truy tố Nguyễn Văn Đ về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 0,48 gam Heroine và 1,09 gam Methamphetamine còn lại sau khi gửi giám định và 01 chiếc dao lam cũ đã qua sử dụng; 03 mảnh giấy trắng có dòng kẻ; 01 túi nilon màu xanh thẫm và 01 mảnh túi nilon màu xanh.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia kèm 02 sim; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ và số tiền 330.000 đồng, là tài sản của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngãi (chị ruột bị can) người được bị cáo ủy quyền nhận hộ.

Đối với chiếc xe máy 27F2- 0983 kèm chìa khóa xe, Đ mượn của chị Nguyễn Thị Ngãi, chị Ngãi không biết Đ dùng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu;

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ khai trùng khớp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là phù hợp, mọi lời khai của Bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào hồi 15 giờ ngày 15/12/2018, tại tổ 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Nguyễn Văn Đ đã có hành vi cất giấu trái phép 0,58 gam Heroine và 1,12 gam Methamphetamine trong người và phòng ở của mình, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Hành vi của bị can là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn Đ có đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Ngày 25/8/2016 Nguyễn Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La , xử phạt 27 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại bản án số: 101/HSST ngày 25/08/2016. Ngày 30/4/2018 Bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do cố ý, nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm

... q) Tái phạm nguy hiểm"

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Đ được bố mẹ nuôi ăn học đến hết lớp 07/12 sau đó ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 1995 đăng ký kết hôn với chị Lê Thị Châu và có 02 người con chung, năm 2012 ly hôn với chị Lê Thị Châu. Đến tháng 09/2012 đăng ký kết hôn với chị Giang Thị H, không có con chung, đến năm 2016 ly hôn với chị Giang Thị H; Ngày 20/3/2001 gây rối trật tự công cộng bị Công an huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt

hành chính 200.000 đồng; Ngày 14/11/2001 gây rối trật tự công cộng bị Công an thành phố B, tỉnh Đ xử phạt hành chính cảnh cáo; Ngày 27/8/21998 bị Tòa án thị xã B, tỉnh Lai Châu (nay là Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ) tuyên phạt 12 tháng tù giam và áp dụng bổ sung là phạt tiền 20.000.000 đồng về tội “Tàng trữ các phương tiện, dụng cụ vào việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Đến 16/5/1999 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống cùng gia đình tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ, ngày 28/6/2018 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tiền của bản án nêu trên; Ngày 19/02/2003 Bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ tuyên phạt 10 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, ngày 19/6/2003 Tòa án nhân dân tối cao xét xử Phúc thẩm lại tuyên phạt y án sơ thẩm, đến tháng 05/2012 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về sinh sống cùng gia đình tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Ngày 25/8/2016 Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tuyên phạt 27 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đến ngày 30/4/2018 Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống cùng gia đình.

Bị cáo nghiện ma túy từ năm 1998 cho đến ngày bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra Bố, mẹ bị cáo đều là người có công, được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nguyên nhân xuất phát từ động cơ, mục đích bán ma túy phục vụ nhu cầu bản thân và bán kiếm lãi. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giúp bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy,

điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 0,48 gam Heroine và 1,09 gam Methamphetamine còn lại sau khi gửi giám định và 01 chiếc dao lam cũ đã qua sử dụng; 03 mảnh giấy trắng có dòng kẻ; 01 túi nilon màu xanh thẫm và 01 mảnh túi nilon màu xanh.

[6]. Các vấn đề khác:

Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua của một người đàn ông ở đầu bản Hồng Lếch Cuông, xã Thanh Chăn, huyện Đ, tỉnh Đ nhưng Bị cáo không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 27F2-0983 cùng chìa khóa xe máy là của chị Nguyễn Thị Ngải cho Đ mượn, chị Ngải không biết Bị cáo sử dụng xe máy vào việc phạm tội. Ngày 12/3/2019 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Ngải. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của Cơ quan điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia kèm 02 sim; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Đ và số tiền 330.000 đồng, là tài sản của Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngải (chị ruột bị cáo) người được bị cáo ủy quyền nhận hộ là phù hợp.

[7]. Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

- Xử phạt bị cáo: **07** (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (15/12/2018).

2. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,48 gam Heroine và 1,09 gam Methamphetamine còn lại sau khi gửi giám định và 01 chiếc dao lam nhãn hiệu CROMA đã qua sử dụng; 03 mảnh giấy trắng có dòng kẻ; 01 túi nilon màu xanh thẫm và 01 mảnh túi nilon màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/03/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ).

- Chấp nhận biên bản trao trả tài sản ngày 12/03/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP B;
- VKSND tỉnh Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- CA TP ĐB Phủ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Tòa án ND tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Tố Loan

